

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/DS-ST
Ngày: 10 – 4 – 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bạch Nhật Tuyền

Ông Nguyễn Thanh Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Ngọc Thanh Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Sang, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 06 và ngày 10/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thanh B, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 218A khóm Tân Bình, phường Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, nay là phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 369 tổ 10, ấp Hòa Thuận, xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, nay là xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Thu V, sinh năm 1966 (Có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Số 369 tổ 10, ấp Hòa Thuận, xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, nay là xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thanh B trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 07, tờ bản đồ 32, diện tích 494m² đang tranh chấp là do bà B được chia thừa kế theo bản án số 06/2017/DS-ST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đến giai đoạn thi hành án thì bà B có làm đơn yêu cầu thi hành án nhưng ngày 15/5/2018 bà Lê Thanh B có đơn yêu cầu đình chỉ đối với việc thi hành án nên ngày 21/5/2018 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành ra Quyết định số 42/QĐ-CCTHADS về việc đình chỉ thi hành án. Năm 2020 bà B đi đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/10/2020 do Lê Thanh B đứng tên.

Mặc dù bà B đã đứng tên giấy chứng nhận nhưng bà chưa được canh tác phần đất này vì vợ chồng ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V ngăn cản không cho bà vào canh tác thửa đất. Vợ chồng ông H sau này đem mít trồng và dùng lưới B40 rào lại bên ngoài, mỗi lần bà B định vào canh tác đất thì bị ông H dùng lời lẽ thô tục chửi và hăm dọa.

Bà B có gửi đơn đến Ban hòa giải ấp Hòa Thuận, cũng như yêu cầu giải quyết theo thủ tục hòa giải viên nhưng ông H không đồng ý trả lại đất.

Nay bà Lê Thanh B yêu cầu ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V di dời toàn bộ cây trồng, lưới B40, rào chắn trên thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32, diện tích 494m² hiện bà B đang đứng tên để trả lại cho bà quản lý, sử dụng. Đất tọa lạc ấp Hòa Thuận, xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nay là xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lê Thanh B yêu cầu ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V bồi thường thiệt hại cho bà trong thời gian bà không canh tác được diện tích đất 494m² thuộc thửa đất 07, tờ bản đồ số 32 đất từ khi bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/10/2020 đến ngày 21/3/2025 là 05 năm 05 tháng với số tiền: 1.500.000đ/năm x 05 năm 05 tháng = 8.125.000 đồng. Căn cứ bà B yêu cầu tính số tiền thiệt hại là theo giá cho thuê đất vườn hàng năm tại địa phương 1.000m²/01 năm/3.000.000đ. Do diện tích đất bà B được cấp chỉ có 494m² nên bà chỉ yêu cầu 1.500.000đ/năm.

Đối với kết quả xem xét thẩm định, định giá và sơ đồ đo đạc thì bà không ý kiến gì. Hiện bà đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có cầm cố, thế chấp cho ai.

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Thửa đất 07 hiện bà B đang đứng tên có nguồn gốc của cha mẹ để lại. Đây là phần đất mà lúc còn sống mẹ ông H hứa cho ông H để thờ cúng ông bà. Cha mẹ ông H là cụ Lê Văn Ba và cụ Nguyễn Thị Sáng có tổng cộng 08 người con

nhưng có một người thứ 6 bị mất từ nhỏ nên còn 07 người là bà Lê Thị Bé (Lớn), bà Lê Thị Bé (Nhỏ), ông Lê Văn Tư, bà Lê Thị Kim Tuyền, bà Lê Thị Kim Liên, bà Lê Thanh B và ông Lê Văn H.

Lúc cha mẹ còn sống thì đã cho những người con một phần tài sản. Năm 2003 mẹ ông H cho bà Lê Thanh B 01 công đất ruộng, quy ra vàng 02 lượng vàng 24K và bà B đã nhận nhưng bà B không chịu mà đòi thêm nên năm 2004 bà B kiện nhiều lần, lúc đầu ở ấp, xã giải quyết nhiều lần không xong, bà B mới khởi kiện ra Tòa án huyện Châu Thành yêu cầu chia thừa kế. Sau đó vụ án được Tòa án giải quyết chia đất cho mỗi người một phần theo Tòa án bản án sơ thẩm số 06/2017/DSST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Theo đó ông H là con út trong gia đình được hưởng phần nhiều hơn để thờ cúng ông bà.

Những phần đất mà Tòa án chia trước đây các anh chị em đã được đứng tên giấy chứng nhận, trong đó phần của bà Liên đã sang tên lại cho ông H và ông H có trả tiền cho bà Liên 100.000.000 đồng, còn phần bà Tuyền thì cũng sang tên lại cho ông H khoảng hơn 01 tháng nay và ông H có hứa sau này ông H sẽ đưa lại cho bà Tuyền số tiền 150.000.000 đồng do hiện ông H chưa có tiền. Còn phần bà B thì hiện bà B vẫn còn đứng tên nhưng đây là phần ăn trước đây lúc cha mẹ còn sống hứa cho ông H nên ông H không đồng ý giao phần đất này cho bà B và ông H cũng không đồng ý trả tiền mua lại. Từ khi bản án có hiệu lực và bà B được cấp giấy chứng nhận nhưng đất vẫn do vợ chồng ông H, bà V quản lý. Hiện trạng đất tranh chấp thửa 07 không thay đổi, ông H bà V không có tu bổ gì trên đất, sau này ông H chỉ có trồng một số cây mít đã được Tòa án thẩm định và định giá tài sản.

Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản, sơ đồ đo đạc thì ông H không có ý kiến.

Nay ông Lê Văn H không đồng ý giao lại thửa đất 07, tờ bản đồ số 32 cho bà B quản lý. Ông H yêu cầu được công nhận lại thửa đất này cho ông H đứng tên vì đất này ông H quản lý trước giờ, để thờ cúng ông bà. Ông H cũng không đồng ý thanh toán tiền 8.125.000 đồng mà bà B yêu cầu trong thời gian bà không canh tác. Trường hợp buộc ông H giao đất cho bà B thì đối với cây trồng trên đất đã được định giá ông H đồng ý di dời, không yêu cầu bà B trả giá trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh B buộc ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V giao trả thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32, diện tích 494m² hiện bà B đang đứng tên cho bà B quản lý, sử dụng. Ông H và bà V có trách nhiệm di dời toàn bộ cây trồng, lưới B40, rào chắn ra khỏi thửa đất 07 của bà B.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thanh B buộc ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V thanh toán cho bà B trong thời gian bà không canh tác được diện tích đất 494m² từ khi bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/10/2020 đến ngày 21/3/2025 là 05 năm 05 tháng với số tiền: 1.500.000đ/năm x 05năm 05 tháng = 8.125.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn H về việc yêu cầu được công nhận quyền quản lý, sử dụng thửa đất 07 cho ông H.

Về chi phí tố tụng và án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện bà Lê Thanh B yêu cầu ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V giao trả thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32, diện tích 494m² hiện bà B đang đứng tên để cho bà quản lý, sử dụng và thanh toán khoản tiền trong thời gian bà B không được canh tác đất. Còn ông H thì yêu cầu được công nhận quyền quản lý, sử dụng thửa đất 07 cho ông H.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp quyền sử dụng đất theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Thửa đất tọa lạc ấp Hòa Thuận, xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, nay là xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp nên theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 8-Dồng Tháp có thẩm quyền giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị Thu V có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Lê Thanh B, Hội đồng xét thấy như sau:

Nguồn gốc thửa đất 07, tờ bản đồ 32, diện tích 494m² đang tranh chấp là do bà B được chia thừa kế theo bản án số 06/2017/DS-ST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bà B đi đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/10/2020 cho bà B. Lý do đất vẫn do ông H canh tác vì lúc đầu bà B có làm đơn yêu cầu thi hành án nhưng trong giai đoạn thi hành án phát sinh vụ án hình sự nên bà B làm đơn ngưng việc thi hành

án, cơ quan Thi hành án đã ra Quyết định đình chỉ thi hành án nhưng thửa đất này đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận cho bà B nên bà B có quyền đối với thửa đất này cho dù chưa thi hành án trên thực tế.

Còn ông H yêu cầu công nhận cho ông quyền quản lý, sử dụng hợp pháp thửa đất 07 vì cho rằng thửa đất này được mẹ cho trước, Hội đồng xét thấy:

Thứ nhất: Các bên đều xác định nguồn gốc thửa đất 07 là của cha mẹ để lại và đã được Tòa án giải quyết chia thừa kế cho bà Lê Thanh B, bà B cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Bên cạnh thửa đất này thì ông H và những người anh em khác cũng được Tòa án chia mỗi người một phần. Ông H xác định phần của bà Liên đã sang tên lại cho ông H và ông H có trả tiền cho bà Liên 100.000.000 đồng, còn phần bà Tuyến thì cũng sang tên lại cho ông H khoảng hơn 01 tháng nay và ông H có hứa sau này ông H sẽ đưa lại cho bà Tuyến số tiền 150.000.000 đồng nên thửa 07 là phần đất được chia riêng cho bà B thì ông H không có quyền lấy tranh tác khi chưa được sự đồng ý của bà B.

Thứ hai: Ông H cho rằng năm 2003 mẹ ông H cho bà Lê Thanh B 01 công đất ruộng, quy ra vàng 02 lượng vàng 24K và bà B đã nhận, còn thửa đất 07 mẹ ông H lúc còn sống hứa cho ông H để thờ cúng ông bà nhưng lời trình bày này ông H không có gì chứng minh và bà B cũng không thừa nhận trong khi bản án số 06/2017/DS-ST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp công nhận cho bà B phần đất này và bản án có hiệu lực pháp luật, bà B cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở bản án.

Thứ ba: Ông H yêu cầu Tòa án xác minh đối với những người làm chứng là: Bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Thị Thông, bà Lê Thùy Ni và chị Trương Thị Hà. Qua xác minh thì những người này đều xác định chỉ nghe nói lại là có cho bà B 1 công đất, còn thực tế có cho hay không thì không rõ. Tuy nhiên, cho dù trước đó bà B có được cha mẹ cho trước hoặc bà B có nhận 02 lượng vàng nhưng cũng không liên quan gì đến phần đất đang tranh chấp vì thực tế phần đất này được chia thừa kế bằng bản án có hiệu lực năm 2017 và năm 2020 bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 07, trong khi ông H xác định bà B được mẹ cho khoảng năm 2003.

Thứ tư: Hiện bản án 06/2017/DS-ST ngày 20/01/2017 phân chia diện tích 494m² cho bà B và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 07 cấp cho bà B vẫn đang có giá trị, chưa bị cơ quan thẩm quyền nào hủy bỏ.

Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

Tại khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không*

đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Từ nội dung phân tích trên, xét yêu cầu của bà Lê Thanh B là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V di dời toàn bộ cây trồng, lưới B40, rào chắn trên thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32, diện tích 494m² hiện bà B đang đứng tên để trả lại cho bà quản lý, sử dụng.

[2.2] Đối với việc ông Lê Văn H yêu cầu được công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp thửa đất 07 do bà Lê Thanh B đứng tên, Hội đồng xét thấy: Như đã phân tích trên do phần diện tích 494m² này trước đây Tòa án huyện Châu Thành đã chia thừa kế cho bà B, sau đó bà B được cấp giấy chứng nhận hợp pháp. Đáng lý ông H phải giao phần đất này cho bà B canh tác khi bà B được cấp giấy nhưng ông H không giao mà lấy canh tác và trồng cây trên đất nên nay việc ông H yêu cầu công nhận cho ông quyền quản lý, sử dụng hợp pháp thửa đất 07 này là không có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn H.

[2.3] Đối với việc bà B tại phiên Tòa thay đổi yêu cầu, yêu cầu ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V thanh toán cho bà trong thời gian bà không canh tác được diện tích đất 494m² thuộc thửa đất 07, tờ bản đồ số 32 từ ngày bà được cấp giấy ngày 21/10/2020 đến ngày 21/3/2026 là 05 năm 05 tháng với số tiền: 1.500.000đ/năm x 05 năm 05 tháng = 8.125.000 đồng, Hội đồng xét thấy.

Theo điều 4 Luật đất đai, người sử dụng đất là tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất. Trong vụ án này thửa đất 07 đã được công nhận cho bà B nên bà B có quyền đối với thửa đất như hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất sử dụng hợp pháp, Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp theo Điều 26, 27 Luật đất đai... Như vậy khi bà B được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà được hưởng các quyền theo quy định Luật đất đai nhưng vì đất ông H quản lý, không tự nguyện giao cho bà B nên mặc dù bà B được công nhận đất hợp pháp, bà chưa được canh tác và hưởng hoa lợi từ phần đất này nên cần buộc ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V có trách nhiệm thanh toán lại cho bà B một khoản tiền từ thời điểm bà B được cấp giấy chứng nhận đến ngày 21/3/2026 như bà yêu cầu.

Về khoản tiền thanh toán: Theo bà B xác định nếu cho thuê đất vườn ở địa phương 1.000m²/năm có giá 3.000.000 đồng, còn ông H không có ý kiến.

Cũng theo văn bản xác nhận ngày 06/4/2026 của ông Trần Văn Bình và ông Nguyễn Văn Bửu xác định: Ông Bình, ông Bửu có mướn diện tích đất ruộng để

lên vườn trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tổ 10, ấp Hòa Thuận, xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp cách phần đất của bà Lê Thanh B được nhận thừa kế của cha mẹ bà B để lại với số tiền thuê là 3.000.000 đồng/01 năm/ 1.000m² để ông Bình trồng mít và ông Bửu trồng sầu riêng.

Nên việc bà B yêu cầu ông H, bà V thanh toán lại cho bà số tiền 1.500.000 đồng/năm đối với diện tích 494m² là phù hợp.

Do đó cần buộc ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V có trách nhiệm thanh toán lại cho bà B số tiền canh tác từ thời điểm bà B được cấp giấy chứng nhận ngày 21/10/2020 đến ngày 21/10/2025 là 05 năm, 05 tháng x 1.500.000đ/năm = 8.125.000 đồng.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản trong vụ án này là 3.366.150 đồng. Do chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thanh B, đồng thời bà B đã tạm ứng và chi xong nên ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà B số tiền 3.366.150 đồng.

[2.5] Về án phí: Ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với diện tích 494m² yêu cầu công nhận x 120.000đ/m² = 59.280.000đ) và 8.125.000 đồng thanh toán lại cho bà B. Như vậy ông H, bà V chịu 3.370.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 170, 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26, 27, 135, 136 Luật đất đai năm 2024.

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh B. Buộc ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V giao thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32, diện tích 494m² hiện bà B đang đứng tên từ các mốc 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 1 cho bà B quản lý, sử dụng.

Ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V có trách nhiệm di dời toàn bộ cây trồng, lưới B40, rào chắn ra khỏi thửa đất 07 để giao đất trồng cho bà Lê Thanh B quản lý, sử dụng.

Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 16/12/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực XIV.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thanh B. Buộc ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V thanh toán cho bà B trong thời gian bà B không canh tác được diện tích đất 494m² từ khi bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 21/10/2020 đến ngày 21/10/2025 là 05 năm, 05 tháng x 1.500.000đ/năm = 8.125.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn H về việc yêu cầu được công nhận cho ông quyền quản lý, sử dụng hợp pháp đối với thửa đất 07.

4. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản trong vụ án này là 3.366.150 đồng. Do bà Lê Thanh B đã tạm ứng và chi xong nên ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà B số tiền 3.366.150 đồng.

5. Về án phí: Ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V chịu 3.370.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000374 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thu V phải nộp tiếp số tiền 3.070.250 đồng.

Bà Lê Thanh B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND KV8-ĐT;
- Phòng THADS KV8-ĐT;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Văn Bình